

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2024/HNGĐ – ST

Ngày 06/01/2024.

V/v: Xin ly hôn và tranh chấp về
nuôi con chung.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà: Bà H'Năm Bkrông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Phạm Xuân Vinh.

2.Bà Trịnh Thị Oanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 413/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023, quyết định hoãn phiên toà số 08/2024/QĐST-DS ngày 15/01/2024 giữa các đương sự :

1.*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1982.

Địa chỉ: T9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2.*Bị đơn:* Ông Lê Thanh T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: T9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chúng tôi đến với nhau trên cơ sở tìm hiểu và tự nguyện, sau đó chúng tôi có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 33, cấp ngày 14 tháng 6 năm 2000. Nguyên nhân mâu thuẫn: Từ khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng tôi chung

sống hạnh phúc, hòa thuận được khoảng 5 năm đầu. Sau đó, cuộc sống vợ chồng dần phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đã sống ly thân nhau từ đầu năm đến nay, ai biết bổn phận người đó, không ai quan tâm chăm sóc gì nhau nữa. Trong quá trình chung sống thì do chồng tôi có tính gia trưởng, không lo làm ăn, không phụ vợ chăm nom, giáo dục con cái. Bên cạnh đó, chồng tôi còn ngày ngày chửi bới, lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của tôi, của các con, chửi cha mẹ và dòng họ của tôi nên tôi không thể nào chấp nhận thêm được nữa. Không những vậy, chồng tôi còn ngoại tình với người phụ nữ khác rồi về nhà thách thức của tôi. Sự việc diễn ra thường xuyên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý của tôi, của các con và gây bức xúc cho hàng xóm láng giềng, không khí trong nhà lúc nào cũng ngột ngạt. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau nên tôi đề nghị được ly hôn với ông Lê Thanh T.

-Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2001 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2008.

Tôi có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2008 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Còn cháu Yến N đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Lê Thanh T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đối với quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay có thể xác định tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Lê Thanh T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng X.

+ Về con chung: Có 02 con chung là các cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2001 và Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2008, quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Hồng X có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lê Văn T, còn cháu Lê Thị Yến N đã thành niên nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Xét thấy, nguyện vọng của bà X là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 81

Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng X nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng X không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+ Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng X không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng X được ly hôn với ông Lê Thanh T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2001 và Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2008.

Giao cháu Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng X nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn cháu Lê Thị Yến N đã trưởng thành nên không đặt ra để giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Hồng X không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng X không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1].Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về trình tự thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Lê Thanh T đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi có quyết định xét xử đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về nội dung:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Lê Thanh T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ngày 14 tháng 6 năm 2000, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo

vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Thanh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Lê Thanh T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng mâu thuẫn mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, bà X xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn, hai vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay, như vậy đã thấy được quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hồng X và ông Lê Thanh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng X, cho bà Nguyễn Thị Hồng X được ly hôn với ông Lê Thanh T.

-Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2001 và Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2008. Cháu Lê Thị Yến N hiện nay đã thành niên nên không đặt ra để xem xét. Quá trình giải quyết vụ án cháu Trí có nguyện vọng sống cùng mẹ và hiện nay do bà X đang trực tiếp nuôi dưỡng, bên cạnh đó ông T vắng mặt tại các phiên làm việc cũng như tại phiên tòa nên không thể xác định được nguyện vọng của ông về con chung, vì vậy việc giao cháu Lê Văn T cho bà Nguyễn Thị Hồng X nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là hợp lý và đúng với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Ông Lê Thanh T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

-Về cấp dưỡng con nuôi chung: Bà Nguyễn Thị Hồng X không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng X không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 , 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Hồng X được ly hôn với ông Lê Thanh T.

-Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 30 tháng 6 năm 2001 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2008.

Cháu Lê Thị Yến N hiện nay đã thành niên nên không đặt ra để giải quyết.

Giao cháu Lê Văn T, sinh ngày 01 tháng 4 năm 2008 cho bà Nguyễn Thị Hồng X nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Lê Thanh T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên ông T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng X không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Hồng X không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

-Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng X phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0003416 ngày 18/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

-Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H.K;
- Chi cục THADS H.K;
- UBND xã H, Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

H' Năm Bkrông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

H'Năm Bkrông

***Nơi nhận:**
-TAND tỉnh Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- UBND xã Long Thạnh
- H.Giồng Riềng, Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

H' Năm Bkrông